

Số: 448 /KH-UBND

*Bắc Giang, ngày 29 tháng 7 năm 2022*

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang năm 2023**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 06/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 379/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 33/BCĐTU-UBND ngày 26/7/2022 về việc đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2022, dự kiến kế hoạch năm 2023 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) tỉnh Bắc Giang năm 2023 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*), như sau:

## **A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 7 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022**

### **I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình**

Căn cứ các văn bản, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh Bắc Giang đã ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương về triển khai thực hiện các Chương trình MTQG đảm bảo tuân thủ các quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, trong đó có một số văn bản như:

- HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 49/NQ-HĐND và Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2022 và năm 2022, trong đó tỉnh bố trí đối ứng vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 là 200 tỷ đồng (*năm 2022, bố trí đối ứng 30 tỷ đồng*).

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 06/4/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác có liên quan<sup>1</sup>.

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan tham mưu cụ thể hóa một số nội dung quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ<sup>2</sup>:

- Trình HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự,

<sup>1</sup> Công văn số 4234/UBND-KGVX ngày 20/8/2021 về việc chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2021, 2022; Công văn số 593/UBND-KGVX ngày 19/11/2021 đề nghị chọn huyện thực hiện điểm Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 1: 2021-2025; Công văn số 706/UBND-KGVX ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch và đề xuất nhu cầu kinh phí năm 2022 thực hiện Tiểu dự án 3 trong Dự án 5 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN...

<sup>2</sup> Kế hoạch số 381/KH-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện một số nhiệm vụ của cấp tỉnh quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Trình UBND tỉnh quy định danh mục các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù; thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và áp dụng các thiết kế sẵn có đối với các dự án; chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án; việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình; việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền); Quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp của các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

Ban Dân tộc và các Sở, ngành được giao chủ trì dự án đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn UBND các huyện về công tác rà soát nội dung đối tượng, công tác chuẩn bị đầu tư<sup>3</sup>: chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương triển khai các thủ tục về đầu tư xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư dự án theo quy định và để làm cơ sở bố trí vốn năm 2021, 2022.

## **2. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình**

- Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy của Ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc ban chỉ đạo:

UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025<sup>4</sup> với 20 thành viên do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban Chỉ đạo; Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách, chỉ đạo lĩnh vực giảm nghèo, dân tộc - Phó Trưởng ban thường trực; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh là Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo. Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh đã ban hành quy chế hoạt động; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG của tỉnh và theo dõi, giám sát đối với các huyện, thành phố. Trưởng ban Dân tộc quyết định thành lập Tổ công tác về Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2030<sup>5</sup>; phân công nhiệm vụ và ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác<sup>6</sup>. Trong đó, phân công nhiệm vụ cho 25 thành viên thuộc Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan. Hiện nay, Tổ công tác đã ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022, các thành viên của tổ công tác đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên trao đổi thông tin để triển khai công việc nhanh chóng, thuận tiện.

<sup>3</sup>Công văn số 430/BDT-KHTT ngày 20/8/2021 của ban Dân tộc về chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2021, 2022; số 524/BDT- KHTT ngày 29/9/2021 về đề xuất chủ trương bố trí ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025; số 587/BDT-KHTT ngày 21/10/2021 về triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; số 410/BDT-KHTT ngày 18/7/2022 triển khai thực hiện Thông tư số 01/2022/TT- UBĐT và Thông tư số 02/TT-UBĐT; số 83/LĐTĐ&XH-KH ngày 12/01/2022 của Sở Lao động -TB&XH về việc triển khai thực hiện Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1249/SGDĐT-KHTC ngày 01/11/2021 của Sở giáo dục và Đào tạo.

<sup>4</sup> Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

<sup>5</sup>Quyết định số 139/QĐ-BDT ngày 30/12/2021 của Trưởng Ban Dân tộc về Thành lập Tổ công tác về Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025.

<sup>6</sup> Ban hành Quy chế hoạt động của TCT tại Quyết định số 140/QĐ-TCT ngày 30/12/2021; Thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên TCT tại TB số 22/TB-TCT ngày 31/12/2021.

UBND các huyện đã kiện toàn bộ máy quản lý chỉ đạo theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ; 4/4 huyện thành lập Ban Chỉ đạo và thành lập Tổ công tác thực hiện Chương trình.

- Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình: công tác tổ chức, triển khai chương trình có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp các ngành trên địa bàn toàn tỉnh. Đặc biệt, để thực hiện có hiệu quả các dự án chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh, Ban Dân tộc đã chủ động xây dựng và ký chương trình phối hợp với các Sở, ngành<sup>7</sup>. Việc ký kết Chương trình phối hợp giữa các ngành sẽ tạo điều kiện thuận lợi và có sự phối hợp chặt chẽ trong triển khai thực hiện Chương trình, đảm bảo hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra.

- Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình:

UBND tỉnh đã phân công cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chủ trì các dự án theo đúng quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các thông tư hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương<sup>8</sup>.

Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình. Việc phân cấp cho xã làm chủ đầu tư sẽ giúp các địa phương chủ động trong việc lựa chọn nội dung, công trình, đối tượng, hỗ trợ theo nguyện vọng, huy động nội lực của người dân, sử dụng lao động địa phương tham gia thực hiện công trình.

- Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng lồng ghép nguồn lực:

Bên cạnh nguồn lực đầu tư của Nhà nước; ngân sách tỉnh, huyện, xã đã quan tâm bố trí nguồn lực để thực hiện Chương trình; huy động, lồng ghép nguồn vốn hỗ trợ từ các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, của cộng đồng dân cư. Thông qua cuộc vận động việc huy động và sử dụng nhiều nguồn lực sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình<sup>9</sup>.

Việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đảm bảo đúng theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đối với từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình đối với cả nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách tỉnh được phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ

<sup>7</sup> Đến nay đã ký Chương trình phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy; UB MTTQ tỉnh, Sở KHCN; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Hội Nông dân tỉnh; Tỉnh đoàn thanh niên; Báo Bắc Giang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Sở Tư pháp; Liên minh hợp tác xã tỉnh...

<sup>8</sup> Kế hoạch số 379/KH-UBND ngày 21/6/2022 triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

<sup>9</sup> Kế hoạch số 476/KH-UBND ngày 03/02/2021 về việc tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang đến năm 2025; Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 phân công giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; tổ chức hội nghị vận động các tổ chức phi chính phủ (PCP) hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

vốn ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Giang. Công tác phân bổ vốn theo nguyên tắc tiêu chí, định mức được quy định tại Nghị quyết đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, bảo đảm hiệu quả đầu tư và ưu tiên vốn cho những huyện, xã, thôn khó khăn hơn để tập trung nguồn lực cho phát triển KTXH, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Lập Kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình:

Ngay từ khi có Báo cáo khả thi Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan hướng dẫn các huyện rà soát và tổng hợp xây dựng dự thảo kế hoạch. Sau khi có thông báo vốn của trung ương, UBND tỉnh hoàn thiện và ban hành Kế hoạch số 379/KH-UBND ngày 21/6/2022 triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2022.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 652/QĐ-TTg; Quyết định số 653/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Dân tộc phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình HĐND tỉnh phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 và năm 2022. Đến thời điểm hiện tại, HĐND tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ 7 đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển 3 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 03 chương trình MTQG năm 2022. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 3 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 về việc giao kế hoạch vốn thực hiện 03 chương trình MTQG năm 2022, tỉnh Bắc Giang.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình được phân công thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Quyết định số 1719/QĐ-TTg và các Thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành.

- Thông tin, tuyên truyền vận động: Sau khi có Nghị quyết số 88/2019/QH14 Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 8 ngày 18/11/2019 phê duyệt Đề án tổng thể; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh giao cho Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ đảng viên vùng DTTS; tổ chức triển khai đến các cơ quan làm công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 4 hội nghị tuyên truyền, triển khai với 434 cán bộ, công chức

của 51 xã vùng DTTS&MN; 12 hội nghị với gần 800 người dân vùng đặc biệt khó khăn (ĐBKK) tại 4 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế. Thường xuyên tuyên truyền về Chương trình trên Báo Bắc Giang, Đài Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và cổng thông tin điện tử của cơ quan.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chủ động phối hợp kiểm tra, rà soát đối tượng, công tác chuẩn bị đầu tư các dự án, tiểu dự án của Chương trình, rà soát các danh mục đầu tư. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND.

### **3. Công tác quản lý, sử dụng vốn ngân sách trung ương, địa phương và huy động nguồn lực thực hiện Chương trình**

Tổng mức vốn bố trí thực hiện năm 2022 là 296.196 triệu đồng. Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương: 221.056 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 150.911 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 70.145 triệu đồng); vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh: 32.500 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 30.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 2.500 triệu đồng); vốn tín dụng chính sách: 12.640 triệu đồng; vốn ngân sách huyện, xã và vốn huy động khác 30.000 triệu đồng.

*(có Phụ lục I kèm theo)*

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu dự kiến đạt được năm 2022**

(1) Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã vùng đồng bào DTTS&MN giảm 2,5%/năm, trong đó các xã ĐBKK giảm 3%/năm; 316 hộ nghèo người DTTS chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng còn tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở được vay vốn, hỗ trợ cải thiện nhà ở; thực hiện hỗ trợ 493 hộ nước sinh hoạt phân tán, đầu tư xây dựng 04 công trình nước sinh hoạt tập trung.

(2) Số dự án ổn định dân cư khởi công mới 02 dự án; số km đường giao thông đến trung tâm xã được nhựa hóa, hoặc cứng hóa, bê tông hóa 15 km; xây mới, cải tạo nâng cấp 5 chợ; cải tạo, nâng cấp 3 trạm y tế xã.

(3) Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị 07 trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; 500 cán bộ, công chức, viên chức các cấp được bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc; 1.000 lượt người được hỗ trợ đào tạo nghề; 525 người uy tín được hỗ trợ thực hiện chính sách.

(4) Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 4 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS.

(5) Tỷ lệ người DTTS tham gia bảo hiểm y tế đạt 99%; nâng cao chất lượng dân số, tăng cường truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; nâng cao nhận thức, chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS; 20% xã ĐBKK được thiết lập hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

## 2. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 652/QĐ-TTg; Quyết định số 653/QĐ-TTg. UBND tỉnh giao Ban Dân tộc phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025<sup>10</sup> và năm 2022<sup>11</sup>; UBND tỉnh đã thực hiện giao kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025<sup>12</sup> và năm 2022<sup>13</sup>. Cụ thể:

Tổng mức vốn bố trí thực hiện năm 2022 là 296.196 triệu đồng. Trong đó: Vốn ngân sách trung ương: 221.056 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 150.911 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 70.145 triệu đồng); vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh: 32.500 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 30.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 2.500 triệu đồng); vốn tín dụng chính sách: 12.640 triệu đồng; vốn ngân sách huyện, xã và vốn huy động khác: khoảng 30.000 triệu đồng. Dự kiến đến 30/9/2022, hoàn thành 50% khối lượng; đến 31/12/2022 sẽ hoàn thành 100% khối lượng và giải ngân 100% nguồn vốn sự nghiệp, 90% nguồn vốn đầu tư. Cụ thể từng dự án như sau:

### 2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Tổng vốn 45.361 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương 31.457 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 24.633 triệu đồng, vốn sự nghiệp 6.824 triệu đồng), vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh 1.264 triệu đồng, vốn vay ngân hàng chính sách 12.640 triệu đồng. Thực hiện hỗ trợ nhà ở, đất ở 316 hộ; hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho 534 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 493 hộ; hỗ trợ đầu tư 04 công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn 03 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam cho 507 hộ thụ hưởng.

### 2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Tổng số vốn 8.846 triệu đồng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương; thực hiện đầu tư 02 dự án. Chi tiết theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền) tại huyện Sơn Động, huyện Yên Thế.

### 2.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Tổng vốn ngân sách trung ương 29.757 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 6.181 triệu đồng, vốn sự nghiệp 23.576 triệu đồng), thực hiện các nội dung sau:

a) Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

<sup>10</sup> Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển 3 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

<sup>11</sup> Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 03 chương trình MTQG năm 2022.

<sup>12</sup> Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 3 chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bắc Giang.

<sup>13</sup> Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 về việc giao kế hoạch vốn thực hiện 03 chương trình MTQG năm 2022, tỉnh Bắc Giang.

Tổng số vốn 10.789 triệu đồng (vốn sự nghiệp kinh tế trung ương). Thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 16.226 ha; hỗ trợ bảo vệ 9.105 ha rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình, hỗ trợ cho 2.500 lượt người thụ hưởng.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN.

(b1) Nội dung số 01 và 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN.

Tổng số vốn 9.982 triệu đồng ngân sách trung ương (sự nghiệp kinh tế). Thực hiện hỗ trợ theo các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm: hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo và một số hộ không thuộc hộ nghèo ở xã, thôn ĐBKK, các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị; hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.

(b2) Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

Tổng số vốn 8.986 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn đầu tư 6.181 triệu đồng; vốn sự nghiệp y tế 2.805 triệu đồng), thực hiện hỗ trợ đầu tư, phát triển vùng dược liệu quý trên địa bàn huyện Sơn Động. Chi tiết theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*2.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc*

*Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN*

Tổng số vốn 119.733 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển trung ương 85.621 triệu đồng; vốn sự nghiệp kinh tế trung ương 4.112 triệu đồng; vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh 15.000 triệu đồng; ngân sách huyện, xã và vốn huy động khác 15.000 triệu đồng) thực hiện đầu tư 111 công trình; duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư 50 công trình, mua sắm thiết bị 03 trạm y tế, gồm:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng xã, thôn bản ĐBKK: 94 công trình, số vốn 64.465 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (ngân sách trung ương 63.465 triệu đồng; ngân sách tỉnh 1.000 triệu đồng);

- Xây dựng, cải tạo nâng cấp 5 chợ, số vốn 3.805 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương);

- Cải tạo, nâng cấp 3 trạm y tế xã, số vốn 2.280 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương);



- Cứng hóa 09 công trình đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã, số vốn 45.071 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (ngân sách trung ương 19.071 triệu đồng; ngân sách tỉnh 12.000 triệu đồng); ngân sách huyện, xã và vốn huy động khác 14.000 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp kinh tế trung ương thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư 50 công trình, số vốn 3.287 triệu đồng; mua sắm thiết bị 03 trạm y tế, số vốn 825 triệu đồng.

#### 2.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tổng vốn 69.065 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương 40.329 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 16.979 triệu đồng, vốn sự nghiệp 23.350 triệu đồng); vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh 13.736 triệu đồng; ngân sách huyện, xã và vốn huy động khác 15.000 triệu đồng. Thực hiện đầu tư thực hiện các nội dung sau:

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Đầu tư các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú: Tổng số vốn 45.715 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (ngân sách trung ương 16.979 triệu đồng, ngân sách tỉnh 13.736 triệu đồng, ngân sách huyện, xã và vốn huy động khác 15.000 triệu đồng). Thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục thuộc 09 trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú gồm: Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, PTDTNT huyện Sơn Động, PTDTNT huyện Lục Ngạn, PTDTNT huyện Lục Nam, PTDTNT huyện Yên Thế; trường PTDTBT xã Sơn Hải, PTDTBT xã Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn; PTDTBT xã An Lạc, PTDTBT xã Dương Hưu, huyện Sơn Động.

- Hoạt động xóa mù chữ và đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số:

Tổng vốn 4.083 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp giáo dục), thực hiện đầu tư thiết bị phục vụ việc chuyển đổi số giáo dục phục vụ giảng dạy và học tập trực tuyến, tăng cường các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục và công tác quản lý, bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trường PTDTNT, trường PTDTBT và trường phổ thông có học sinh bán trú; Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS, thực hiện các nội dung mua thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ, hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ, hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm...

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN

Tổng số vốn 2.913 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp giáo dục), thực hiện bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 4; Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: thực hiện đào tạo đại học cho 110 sinh viên.

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN

Tổng số vốn 14.089 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp giáo dục), thực hiện các nội dung:

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, số vốn: 545 triệu đồng;

- Tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động, phiên giao dịch việc làm chuyên đề tại các địa bàn vùng DTTS&MN, số vốn: 600 triệu đồng;

- Đào tạo để đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài, số vốn: 300 triệu đồng;

- Đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 3 tháng, số vốn: 2.644 triệu đồng;

- Mua sắm thiết bị đào tạo, số vốn: 10.000 triệu đồng.

d) Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

Tổng số vốn 2.265 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp giáo dục), tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình các cấp theo các nội dung: Công tác lập kế hoạch, triển khai dự án, tiêu dự án của Chương trình; nghiệp vụ đấu thầu; nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư; nghiệp vụ giám sát cộng đồng; chuyên giao khoa học kỹ thuật cho người dân; học tập kinh nghiệm về công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại các tỉnh bạn...

*2.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch*

Tổng vốn 8.871 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn đầu tư phát triển 6.229 triệu đồng, vốn sự nghiệp văn hóa thông tin 2.642 triệu đồng). Thực hiện các nội dung:

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS: Hỗ trợ tu bổ Đình Bo Chợ, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế; Chùa Thông, xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế; Động Thiên Thai, xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế; Đình Dĩnh Thép, xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, số vốn 6.229 triệu đồng.

- Thực hiện các nội dung: Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS; tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (lễ hội, mô hình văn hóa truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch...); hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận; tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, sinh hoạt văn hóa dân gian; hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống vùng đồng bào DTTS&MN; hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào DTTS. Số vốn 2.642 triệu đồng.

*2.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em*

Tổng số vốn 1.883 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp y tế). Thực hiện nội dung 02 nội dung:

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&MN: phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS&MN; đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh; ổn định và phát triển dân số của đồng bào DTTS tại vùng đồng bào DTTS&MN; nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào DTTS&MN; phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào DTTS&MN. Số vốn 905 triệu đồng.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS: Chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS; chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em. Số vốn 978 triệu đồng.

*2.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*

Tổng số vốn 4.107 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp kinh tế 2.616 triệu đồng, vốn sự nghiệp đảm bảo xã hội 1.491 triệu đồng). Thực hiện các nội dung: Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em; đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị; trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

*2.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít và ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn*

*Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN*

Tổng số vốn 896 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp kinh tế), tổ chức các hoạt động truyền thông, hoạt động tư vấn, xây dựng mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao... nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

*2.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*

Tổng vốn 7.677 triệu đồng, trong đó (ngân sách trung ương vốn đầu tư phát triển 2.422 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.755 triệu đồng; vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh 2.500 triệu đồng). Thực hiện các tiểu dự án:

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2025.

Tổng số vốn 3.891 triệu đồng (ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin trung ương), thực hiện 03 nội dung:

- Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN, dự kiến số vốn 2.120 triệu đồng. Thực hiện cấp phát báo cho người có uy tín; tổ chức tặng 519 xuất quà, tổ chức thăm hỏi trên 40 trường hợp người uy tín; tổ chức đoàn 79 người có uy tín đi tham quan học tập kinh nghiệm tại tỉnh Thanh Hóa; thực hiện giải quyết 11 hồ sơ thủ tục hành chính một cửa liên thông trực tuyến, đưa ra khỏi danh sách 06 người uy tín đã mất và bổ sung, thay thế công nhận mới 05 người có uy tín trong đồng bào DTTS của tỉnh giai đoạn 2019 -2023...

- Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS, số vốn 1.471 triệu đồng.

- Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN, số vốn 300 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

Tổng số vốn 2.757 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 2.422 triệu đồng, vốn sự nghiệp văn hóa thông tin 335 triệu đồng), để thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN”. Đến nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản xin ý kiến tạm dừng dự án cho đến khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

Tổng vốn 1.029 triệu đồng (vốn sự nghiệp kinh tế trung ương 529 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 500 triệu đồng), thực hiện các nội dung: tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình; chi các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá các nội dung, Tiểu dự án, Dự án thành phần của Chương trình...

## **5. Đánh giá chung**

### **5.1. Ưu điểm**

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS&MN hiện nay, Chương trình được thiết kế có sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị, xã hội, doanh nghiệp và người dân.

Các dự án, chính sách của Chương trình bao phủ khắp các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm đến vùng đồng bào DTTS của tỉnh, chỉ đạo sát sao công tác triển khai thực hiện Chương trình. Trong năm 2021, 2022 các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã nhiều lần trực tiếp đi kiểm tra, làm việc với các huyện vùng DTTS&MN về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; kiểm tra công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc Chương trình năm 2021 và 2022 trên địa bàn các huyện vùng DTTS&MN. Qua đó, đã có những chỉ đạo kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc tại cơ sở.

- HĐND tỉnh sớm ban hành Nghị quyết về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình, UBND tỉnh sớm kiện toàn bộ máy quản lý chỉ đạo; công tác chuẩn bị đầu tư được quan tâm triển khai sớm; bố trí nguồn lực địa phương để đối ứng thực hiện Chương trình. Do vậy, đã tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, đơn vị chủ động trong công tác lập kế hoạch cũng như quá trình triển khai sau này.

Ngoài việc bố trí nguồn đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; Bắc Giang còn ban hành nhiều chính sách riêng của tỉnh để đầu tư hỗ trợ cho vùng DTTS như: Hỗ trợ đầu tư xây dựng 65 công trình ngầm dân sinh, 8 công trình cầu dân sinh vùng đồng bào DTTS với tổng mức đầu tư 150 tỷ đồng, nguồn vốn được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2022-2025<sup>14</sup>; hỗ trợ kinh phí tổ chức nuôi dưỡng học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở và trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bắc Giang<sup>15</sup>, cụ thể: Hỗ trợ thêm 30% mức lương cơ sở/học sinh ở bán trú/tháng; hỗ trợ thêm 20% mức lương cơ sở/học sinh ở nội trú/tháng; Hỗ trợ học sinh, sinh viên tốt nghiệp THPT, THPT tiếp tục học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng là người DTTS mức hỗ trợ 400.000 đồng/1 học sinh, sinh viên/tháng<sup>16</sup>.

- Các sở, ngành liên quan đã có sự phối hợp chặt chẽ hiệu quả, bám sát chỉ đạo của cấp trên tích cực tham mưu xây dựng kế hoạch và hướng dẫn, chỉ đạo các huyện, các chủ đầu tư triển khai thực hiện.

- Công tác tuyên truyền được triển khai rộng rãi bằng nhiều hình thức, do đó Chương trình được các cấp, các ngành và dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, tích cực vào cuộc để triển khai thực hiện.

## **5.2. Tồn tại, hạn chế**

- Các tiểu dự án thành phần còn có sự trùng lặp về đối tượng và nội dung: Tiểu dự án 4, Dự án 5 (Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp) và Tiểu dự án 3, Dự án 10 (Kiểm tra, giám sát,

<sup>14</sup> Kế hoạch Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022 – 2024.

<sup>15</sup> Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang.

<sup>16</sup> Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định một số chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình); nội dung tuyên truyền quy định tại Tiểu dự án 1, Dự án 10 và cũng quy định tại Tiểu dự án 3, Dự án 10...

- Việc ban hành các cơ chế chính sách, văn bản hướng dẫn và giao kế hoạch vốn của Trung ương chậm. Đến thời điểm hiện tại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ thông tin và Truyền thông, Liên minh HTX Việt Nam chưa có văn bản hướng dẫn các nội dung thuộc phạm vi quản lý... dẫn tới việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện một số Dự án, tiểu dự án ở cơ sở còn lúng túng.

- Việc hỗ trợ, phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị khó triển khai thực hiện do điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng tại vùng dân tộc còn hạn chế, địa bàn xa trung tâm; sự liên kết, hợp tác giữa các hợp tác xã với các doanh nghiệp chưa nhiều; mặt khác các hợp tác xã chủ yếu ở khu vực nông thôn, năng lực quản lý chưa cao, thiếu vốn, thiếu khoa học kỹ thuật...

## **B. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023-2025**

### **I. DỰ KIẾN MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ KẾ HOẠCH NĂM 2023 THEO TỪNG NỘI DUNG, DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Nắm vững tình hình, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS để phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết, có biện pháp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện công tác dân tộc, các chính sách dân tộc.

- Tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025, trọng tâm là kế hoạch năm 2023.

- Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh công tác giảm nghèo nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa các thành phần dân tộc, giữa vùng dân tộc với các vùng khác trong tỉnh, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào vùng DTTS, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc. Hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa có giá trị, phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS.

- Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của người đứng đầu cơ quan được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

#### **2. Chỉ tiêu chủ yếu**

- Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã vùng đồng bào DTTS&MN bình quân giảm 2,5%/năm, trong đó các xã ĐBKK giảm bình quân 3%/năm; phấn đấu có 04 xã thoát khỏi diện ĐBKK.

- Tỷ lệ người DTTS tham gia bảo hiểm y tế đạt 99%; nâng cao chất lượng

dân số, tăng cường truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; nâng cao nhận thức, chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS.

- Tạo điều kiện để đồng bào các DTTS nâng cao nhận thức về pháp luật từng bước vận dụng pháp luật có hiệu quả vào việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân và gia đình, giám sát việc thi hành công vụ của cán bộ công chức. Thực hiện tốt các chế độ chính sách nhằm phát huy vai trò người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức cho đồng bào DTTS thực hiện chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

*(Có Phụ lục II kèm theo)*

## **II. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023 VÀ NĂM 2024, 2025**

Dự kiến nguồn vốn thực hiện năm 2023 là 904.215 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương 588.060 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 283.310 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 304.750 triệu đồng); vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh: 114.608 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 112.108 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 2.500 triệu đồng); vốn ngân sách huyện, xã: 63.300 triệu đồng; vốn tín dụng chính sách 92.375 triệu đồng; vốn huy động khác 45.872 triệu đồng. Triển khai thực hiện 10 dự án thành phần thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bắc Giang. Cụ thể:

### **1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

Tổng vốn 128.550 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương 50.095 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 25.880 triệu đồng, vốn sự nghiệp 24.215 triệu đồng); vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh 1.008 triệu đồng; vốn đầu tư phát triển ngân sách huyện, xã 2.200 triệu đồng; vốn vay ngân hàng chính sách 72.375 triệu đồng, vốn huy động khác 2.872 triệu đồng. Thực hiện các nội dung:

#### *a) Hỗ trợ nhà ở, đất ở*

Tổng vốn 19.535 triệu đồng (ngân sách trung ương 10.080 triệu đồng, ngân sách tỉnh 1.008 triệu đồng, vốn vay ngân hàng chính sách 5.675 triệu đồng) thực hiện hỗ trợ cho 252 hộ thụ hưởng.

#### *b) Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề*

Tổng vốn 80.040 triệu đồng, trong đó: vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 13.340 triệu đồng, vốn vay ngân hàng chính sách 66.700 triệu đồng, thực hiện hỗ trợ 1.334 hộ thụ hưởng.

#### *c) Hỗ trợ nước sinh hoạt*

Tổng vốn 26.775 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương vốn đầu tư phát triển 15.800 triệu đồng, vốn sự nghiệp 10.875 triệu đồng, vốn huy động khác 100 triệu đồng, thực hiện các nội dung:

- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: 10.875 triệu đồng, thực hiện hỗ trợ 3.625 hộ thụ hưởng.

- Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Số vốn 15.900 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 15.800 triệu đồng, vốn huy động khác 100 triệu đồng), thực hiện đầu tư xây dựng 06 công trình nước sinh hoạt tập trung năm 2023 và giao vốn chuẩn bị đầu tư cho 6 công trình ở các xã, thôn ĐBK trên địa bàn 03 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam cho 853 hộ thụ hưởng.

## **2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**

Tổng số vốn 21.700 triệu đồng (nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 17.700 triệu đồng; nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh 4.000 triệu đồng), thực hiện đầu tư 02 dự án (chi tiết theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền), gồm:

- Dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại thôn Đồng Bài, Đồng Khao, Nà Trắng, xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Số vốn 14.000 triệu đồng (ngân sách trung ương 10.000 triệu đồng; nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh 4.000 triệu đồng);

- Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ các thôn, bản: Tràng Bản, Đồng Đảng, Thái Hà, La Xa, Bình Minh, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế. Số vốn 7.700 triệu đồng.

## **3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

Tổng vốn 197.013 triệu đồng. Trong đó: ngân sách trung ương 137.013 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 12.362 triệu đồng, vốn sự nghiệp 124.651 triệu đồng); vốn vay ngân hàng chính sách 20.000 triệu đồng, vốn huy động khác 40.000 triệu đồng, thực hiện các nội dung sau:

*a) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*

Tổng số vốn 73.503 triệu đồng (vốn sự nghiệp kinh tế trung ương). Thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 22.576 ha; hỗ trợ bảo vệ 9.105 ha rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình, hỗ trợ cho 2.700 lượt người thụ hưởng.

*b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN*

*(b1) Nội dung số 01 và 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN*

Tổng số vốn 64.064 triệu đồng (ngân sách trung ương 39.064 triệu đồng, vốn vay ngân hàng chính sách 5.000 triệu đồng, vốn huy động khác 20.000 triệu đồng). Thực hiện hỗ trợ theo các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:



hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo và một số hộ không thuộc hộ nghèo ở xã, thôn ĐBKK, các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị; hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.

*(b2) Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý*

Tổng số vốn 58.500 triệu đồng (vốn đầu tư ngân sách trung ương 12.300 triệu đồng; vốn sự nghiệp y tế 11.200 triệu đồng, vốn vay ngân hàng chính sách 15.000 triệu đồng, vốn huy động khác 20.000 triệu đồng). Thực hiện hỗ trợ đầu tư, phát triển vùng dược liệu quý trên địa bàn huyện Sơn Động. Chi tiết theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc**

*Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN*

Tổng vốn 290.666 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển trung ương 176.061 triệu đồng; vốn sự nghiệp kinh tế trung ương 16.405 triệu đồng; vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh 67.100 triệu đồng; ngân sách huyện, xã 31.100 triệu đồng), thực hiện các nội dung:

\* Bố trí chuyển tiếp 90 công trình đầu tư năm 2022, số vốn 120.790 triệu đồng.

\* Số vốn 169.876 triệu đồng, đầu tư xây dựng khởi công 95 công trình, trong đó:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng xã, thôn bản ĐBKK: 85 công trình, số vốn 111.572 triệu đồng vốn đầu tư phát triển;

- Xây dựng, cải tạo nâng cấp 3 chợ, số vốn 4.961 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương);

- Cải tạo, nâng cấp 3 trạm y tế xã, số vốn 2.280 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương);

- Cứng hóa 04 công trình đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã, số vốn 51.063 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (ngân sách trung ương 15.163 triệu đồng; ngân sách tỉnh 21.600 triệu đồng; ngân sách huyện, xã và vốn huy động khác 14.000 triệu đồng);

\* 16.448 triệu đồng vốn sự nghiệp kinh tế trung ương, thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư 67 công trình, số vốn 15.580 triệu đồng; mua sắm thiết bị 03 trạm y tế, số vốn 825 triệu đồng.

#### **5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Tổng vốn 193.608 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương 123.608 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 34.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp 89.608 triệu đồng);

vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh 40.000 triệu đồng; ngân sách huyện, xã 30.000 triệu đồng. Thực hiện đầu tư thực hiện các nội dung sau:

*a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS*

Tổng số vốn 117.625 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương 47.625 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 34.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp giáo dục 13.625 triệu đồng); ngân sách tỉnh 40.000 triệu đồng, ngân sách huyện, xã 30.000 triệu đồng), thực hiện đầu tư các nội dung sau:

(a1) Đầu tư các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú:

Tổng số vốn 104.000 triệu đồng, vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 34.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh 40.000 triệu đồng, ngân sách huyện, xã 30.000 triệu đồng). Thực hiện đầu tư xây dựng khởi công mới 02 công trình trường phổ thông dân tộc bán trú xã Dương Hưu, huyện Sơn Động, trường PTDTBT xã Hộ Đáp. Bố trí vốn chuyển tiếp 07 trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú gồm: Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, PTDTNT huyện Sơn Động, PTDTNT huyện Lục Ngạn, PTDTNT huyện Lục Nam, PTDTNT huyện Yên Thế; trường PTDTBT xã Sơn Hải, PTDTBT xã Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn; PTDTBT xã An Lạc.

(a2) Hoạt động xóa mù chữ và đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số:

Tổng số vốn 13.625 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp giáo dục), thực hiện 02 nội dung:

- Đầu tư thiết bị phục vụ việc chuyển đổi số giáo dục phục vụ giảng dạy và học tập trực tuyến; tăng cường các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục và công tác quản lý; bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trường PTDTNT, trường PTDTBT và trường phổ thông có học sinh bán trú, số vốn 11.725 triệu đồng.

- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS, thực hiện các nội dung mua thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ; hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ; hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm..., số vốn 1.900 triệu đồng.

*b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN*

Tổng số vốn 11.319 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp giáo dục), thực hiện 02 nội dung:

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: tổ chức thực hiện các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4.

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: thực hiện đào tạo đại học cho 110 sinh viên, thạc sĩ 10 sinh viên, tiến sĩ 02 sinh viên.

*c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN*

Tổng số vốn 56.281 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp giáo dục), thực hiện các nội dung:

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, số vốn: 559 triệu đồng;

- Tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động, Phiên giao dịch việc làm chuyên đề tại các địa bàn vùng DTTS&MN, số vốn: 600 triệu đồng;

- Đào tạo để đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài, số vốn: 300 triệu đồng;

- Đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 3 tháng, số vốn: 3.322 triệu đồng;

- Mua sắm thiết bị đào tạo, số vốn: 49.500 triệu đồng;

- Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, số vốn: 2.000 triệu đồng.

*d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp*

Tổng số vốn 8.383 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp giáo dục), tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình các cấp theo các nội dung Thông tư số 02/2022/TT-UBND.

## **6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch**

Tổng vốn 26.285 triệu đồng (ngân sách trung ương vốn đầu tư phát triển 12.464 triệu đồng, vốn sự nghiệp văn hóa thông tin 10.821 triệu đồng, vốn huy động 3.000 triệu đồng). Thực hiện các nội dung:

*a) Nguồn vốn đầu tư: Số vốn: 15.464 triệu đồng, thực hiện các nội dung:*

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN; số vốn: 832 triệu đồng, cụ thể:

- + Du lịch cộng đồng, xã An Lạc, huyện Sơn Động.

- + Du lịch cộng đồng bản Mậu, TT Tây Yên Tử, huyện Sơn Động.

- + Du lịch thác Ba Tia, TT Tây Yên Tử, huyện Sơn Động.

- + Du lịch Đồng Cao, xã Phúc Sơn và Vân Sơn, huyện Sơn Động.

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản truyền thống tiêu biểu của các DTTS; số vốn: 2.512 triệu đồng, cụ thể:

- + Hỗ trợ đầu tư bảo tồn truyền thống tiêu biểu thôn Bắc Hoa, xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn.

+ Hỗ trợ đầu tư bảo tồn truyền thống tiêu biểu bản Mậu, TT Tây Yên Tử, huyện Sơn Động.

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS: Hỗ trợ tu bổ Động Thiên Thai, xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế; chùa Am Vãi, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn; đình Bảo Lộc, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam; đình Đông Thịnh, xã Tam Di, huyện Lục Nam; số vốn: 9.020 triệu đồng (ngân sách trung ương vốn đầu tư phát triển 6.020 triệu đồng, vốn huy động 3.000 triệu đồng).

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN; số vốn: 3.100 triệu đồng, cụ thể:

+ Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao 11 nhà văn hóa thôn ở huyện Lục Ngạn.

+ Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao 12 thôn thuộc xã Hương Sơn, Hương Lạc, huyện Lạng Giang.

+ Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao 15 thôn ở huyện Sơn Động.

+ Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao 10 thôn ở huyện Lục Nam.

*b) Nguồn vốn sự nghiệp:* 10.821 triệu đồng, thực hiện các nội dung:

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS:

+ Khảo sát, sưu tầm, lưu giữ, trưng bày di sản văn hóa truyền thống dân tộc Cao Lan, Sán Chí; số vốn: 934 triệu đồng.

- Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mô hình văn hóa truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch...); số vốn: 2.244 triệu đồng, cụ thể:

+ Lễ hội chùa Chử, chùa Sầy, dân tộc Dao, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động.

+ Bảo tồn Lễ hội Xuống Đòng, dân tộc Tày, xã Hữu Sản, huyện Sơn Động.

+ Bảo tồn Lễ hội Hát Then – đàn tính, dân tộc Tày, xã An Lạc, huyện Sơn Động.

+ Khôi phục lễ cấp sắc người Dao, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế.

+ Bảo tồn nghi lễ hát Then, thôn Hố Cao, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

+ Bảo tồn nghi lễ Soong Cô, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

+ Hỗ trợ trang phục, đạo cụ, trang thiết bị cho 02 CLB hát Then của xã Hương Sơn, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang.

+ Bảo tồn di sản văn hóa dân tộc Nùng, bản Bắc Hoa, xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn.

+ Bảo tồn và phát huy di sản hát Soong hao dân tộc Tày, Nùng huyện Lục Ngạn.

+ Hỗ trợ 02 CLB hát dân ca DTTS, đội văn nghệ ở huyện Lục Ngạn.

- Hỗ trợ 03 nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc

lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận; số vốn: 80 triệu đồng.

- Tổ chức 20 lớp tập huấn, truyền dạy, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, sinh hoạt văn hóa dân gian; số vốn: 428 triệu đồng, cụ thể:

+ Mở 02 lớp truyền dạy hát Then – đàn Tính tại huyện Sơn Động.

+ Mở 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng, truyền dạy văn hóa phi vật thể tại huyện Lục Ngạn.

+ Mở 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng, truyền dạy văn hóa phi vật thể tại huyện Lục Nam.

+ Mở 01 tập huấn, bồi dưỡng, truyền dạy văn hóa phi vật thể tại huyện Yên Thế.

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các DTTS; số vốn: 3.201 triệu đồng, cụ thể:

+ Xây dựng phóng sự tài liệu có thời lượng 35 phút.

+ Xây dựng tài liệu về dân tộc Cao Lan, Sán Chí, xã Lê Viễn, huyện Sơn Động.

+ Xuất bản đầu sách về di sản văn hóa DTTS.

- Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS (trang phục, nghệ thuật trình diễn dân gian...); số vốn: 1.066 triệu đồng, cụ thể:

+ Duy trì tổ chức Ngày hội Văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Giang.

+ Tổ chức Liên hoan hát Then – đàn Tính toàn tỉnh.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các DTTS; số vốn: 1.594 triệu đồng, cụ thể:

+ Hoạt động đua thuyền dân tộc Cao Lan, thị trấn An Châu; Kéo co, Đẩy gậy... huyện Sơn Động.

+ Hoạt động Kéo co, Đẩy gậy huyện Lục Ngạn.

+ Hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các DTTS huyện Lục Nam.

+ Hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các DTTS huyện Yên Thế.

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho 08 xã vùng đồng bào DTTS&MN; số vốn: 128 triệu đồng, cụ thể:

+ Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho 02 xã thuộc huyện Sơn Động.

+ Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho 02 xã thuộc huyện Lục Ngạn.

+ Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho 02 xã thuộc huyện Lục Nam.

+ Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho 02 xã thuộc huyện Yên Thế.

- Số lượng 55 thiết chế văn hóa, thể thao thôn vùng đồng bào DTTS được hỗ trợ trang thiết bị, số vốn: 825 triệu đồng, cụ thể:

+ Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào DTTS huyện Sơn Động (15 Nhà Văn hóa).

+ Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào DTTS huyện Lục Ngạn (15 Nhà Văn hóa).

+ Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào DTTS huyện Lục Nam (15 Nhà Văn hóa).

+ Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào DTTS huyện Yên Thế (10 Nhà Văn hóa).

### **7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

Tổng số vốn 7.681 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp y tế). Thực hiện nội dung các nội dung:

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&MN: phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS&MN; đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh; ổn định và phát triển dân số của đồng bào DTTS tại vùng đồng bào DTTS&MN; nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào DTTS&MN; phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS: Chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS; chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

### **8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

Tổng số vốn 17.581 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương. Thực hiện các nội dung: Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em; đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị; trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

### **9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít và ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**

*Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN*

Tổng số vốn 3.576 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp kinh

tế), tổ chức các hoạt động truyền thông, hoạt động tư vấn, can thiệp triển khai các mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao... nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

**10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

Tổng vốn 18.364 triệu đồng, trong đó (ngân sách trung ương vốn đầu tư phát triển 4.844 triệu đồng, vốn sự nghiệp 11.020 triệu đồng; vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh 2.500 triệu đồng). Thực hiện các tiểu dự án:

a) *Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025*

Tổng số vốn 8.750 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 6.750 triệu đồng; vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh 2.000 triệu đồng), thực hiện 03 nội dung:

- Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN, số vốn 4.707 triệu đồng.

- Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS, số vốn 3.743 triệu đồng.

- Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN, số vốn 300 triệu đồng.

b) *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN*

Tổng số vốn 6.184 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 4.843 triệu đồng, vốn sự nghiệp văn hóa thông tin 1.341 triệu đồng) để thực hiện tiểu dự án 2, chi tiết theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình*

Tổng vốn 2.621 triệu đồng (vốn sự nghiệp kinh tế trung ương 2.121 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 500 triệu đồng), thực hiện các nội dung: tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình; chi các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá các nội dung, Tiểu dự án, Dự án thành phần của Chương trình...

**\* Về dự kiến nguồn lực năm 2024, năm 2025: Có Phụ lục kèm theo.**

*(Có Phụ lục III kèm theo)*

**III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN**

**1. Các cấp, các ngành tích cực, chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo điều**

hành tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần Chương trình theo kế hoạch đề ra; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch và giải ngân trong năm kế hoạch.

Cơ quan chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình (*theo phân công tại Kế hoạch số 379/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh*) cần bám sát sự chỉ đạo, điều hành của ngành dọc cấp trên; thường xuyên tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, nắm chắc tình hình thực tiễn, kịp thời tham mưu giải quyết những vướng mắc phát sinh ngay từ cơ sở. Chủ động tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp, cách làm hay, hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện.

**2.** Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bào DTTS&MN. Quán triệt và cụ thể hóa các Nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về nhận thức, nâng cao năng lực, vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân vùng thụ hưởng chính sách. Giáo dục truyền thống, văn hóa, tinh thần đại đoàn kết các dân tộc, khát vọng tự vươn lên làm giàu chính đáng để thoát nghèo và giảm nghèo bền vững.

**3.** Huy động, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; chủ động thực hiện lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án trên địa bàn để nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

**4.** Tăng cường phân cấp, trao quyền cho UBND xã, thôn, bản, quyền tự chủ cho cộng đồng trong việc thực hiện các dự án, mô hình phát triển kinh tế. Thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia đầy đủ của người dân. Người dân được tham gia và quyết định trong lập kế hoạch, lựa chọn đối tượng được hưởng lợi, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN.

**5.** Hoàn thiện cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án của Chương trình: (i) Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; (ii) Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cho 01 (một) dự án, mức hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo khi tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ các hoạt động xóa mù chữ; (iii) Cơ chế đặc thù về quy trình rút gọn đối với việc lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp; quy định đặc thù trong lựa chọn nhà thầu, thủ tục triển khai thực hiện các dự án của chương trình theo hướng cắt giảm tối đa các thủ tục mang tính hành chính, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và hướng dẫn của Trung ương...



6. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án tại cơ sở; khắc phục kịp thời những khó khăn vướng mắc.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

##### **1. Đối với Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ**

1.1. Tiểu Dự án 1, Dự án 3 về phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Đề nghị Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung các đối tượng được hỗ trợ tại địa bàn các thôn ĐBKK thuộc các xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN.

*Lý do:* Giai đoạn 2012-2015 và giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn ĐBKK, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 và Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn ĐBKK, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020, các thôn ĐBKK chỉ có ở các xã khu vực II, khu vực III. Tuy nhiên, ở giai đoạn 2021-2025, theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 thì ở các xã khu vực I vẫn có thôn ĐBKK và thực tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 25 thôn ĐBKK tại 11 xã khu vực I.

1.2. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận các thôn (không thuộc các xã được công nhận xã vùng đồng bào DTTS&MN tại Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) có tỷ lệ số hộ DTTS trong tổng số hộ dân trong thôn sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên thuộc vùng đồng bào DTTS&MN để người dân được thụ hưởng các chính sách dân tộc.

*Lý do:* Tại khoản 2, Điều 2 Quyết định 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025, quy định đối tượng áp dụng: “*Các thôn, bản, làng, phum, sóc, xóm, ấp, khu dân cư, tổ dân phố và tương đương (sau đây gọi chung là thôn) có tỷ lệ số hộ DTTS trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên*”. Tuy nhiên, qua rà soát trên thực tế, tỉnh Bắc Giang có 20 thôn có tỷ lệ hộ DTTS trên 15% (tại 14 xã thuộc 4 huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế và Tân Yên) chưa được công nhận, thụ hưởng các chính sách dân tộc.

##### **2. Đề xuất, kiến nghị với các Bộ, ngành trung ương**

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm ban hành Thông tư hướng dẫn bảo vệ và phát triển rừng thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; trong đó, quy định cụ thể kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ của chủ rừng và không trùng với các chương trình, dự án khác,

được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện. Trong đó: cơ quan chủ quản đầu tư 2%; đơn vị cơ sở (chủ đầu tư) 5%.

*Lý do:* Để làm rõ hơn quy định tại khoản 3, Điều 10 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 14/3/2022 và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bắc Giang năm 2023. UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Dân tộc;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng chuyên viên;
- + Lưu: VT, KGVX.Cường.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Sơn**